

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CAM RANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 119/CCR-BC

Cam Ranh, ngày 25 tháng 3 năm 2016

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2015**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch:
 - Tên công ty bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
 - Tên công ty bằng tiếng Anh: CAMRANH PORT JOINT STOCK COMPANY
 - Tên công ty viết tắt: CẢNG CAM RANH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
 - Mã số doanh nghiệp: 4200272350
 - Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 01/4/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/6/2015 chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH một thành viên, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.
- Vốn điều lệ: 245.018.170.000 VNĐ
- Địa chỉ: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, p.Cam Linh, tp.Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại: 058.3854307 Số fax: 058.3854536 Website: www.camranhport.vn
- Mã cổ phiếu: CCR

Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Cam Ranh được thành lập theo Quyết định số 168/BGTVT ngày 16/01/2009. Công ty được cổ phần hóa theo Nghị Quyết số 749/NQ-HHVN ngày 19/03/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.
- Ngày 28/1/2015, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ban hành Quyết định số 38/QĐ-HHVN về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cảng Cam Ranh thành Công ty cổ phần.
- Ngày 12/6/2015, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.
- Ngày 25/6/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH một thành viên, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.
(Báo cáo thường niên 2015 này là của kỳ hoạt động năm tài chính đầu tiên của công ty, bắt đầu ngày 25/6/2015 và kết thúc ngày 31/12/2015).
- Ngày 20/8/2015, Công ty được chấp thuận Đăng ký công ty đại chúng theo Thông báo số 5194/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN).
- Ngày 03/9/2015 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 73/2015/GCNCP-VSD của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).
- Ngày 10/9/2015 Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Quyết định đăng ký giao dịch số 589/QĐ-SGDHN. Ngày 24/09/2015, là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh trên hệ thống giao dịch Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là quản lý khai thác cảng biển.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ bốc xếp, vận chuyển, kiểm đếm giao nhận hàng hóa; kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hàng hải liên quan.

Địa bàn kinh doanh:

Địa điểm kinh doanh chính của Công ty đặt tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Hoạt động kinh doanh của Công ty trải rộng trên toàn quốc thông qua hệ thống quan hệ kinh doanh với khách hàng là các chủ tàu, chủ hàng, các đại lý hàng hải, vận tải biển.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần, và là công ty đại chúng có quy mô lớn, hiện đăng ký giao dịch trên UpCOM. Công ty tuân thủ các quy định và chuẩn mực quản trị của doanh nghiệp niêm yết.

Cơ cấu bộ máy quản lý công ty:



• ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.

• HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đương nhiệm có bảy (07) thành viên, trong đó có ba (03) thành viên không tham gia điều hành và bốn (04) thành viên tham gia điều hành (Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc, 02 thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc, 01 thành viên kiêm Kế toán trưởng).

• BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đương nhiệm có ba (03) thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên không tham gia điều hành và hai (02) thành viên kiêm nhiệm.

• **BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC**

Đứng đầu Ban điều hành là Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc có một (01) Phó Tổng giám đốc phụ trách về lĩnh vực khai thác và nội chính, một (01) Phó Tổng giám đốc phụ trách về lĩnh vực kinh doanh.

Bộ máy giúp việc cho Ban điều hành có năm (05) Phòng chức năng phụ trách từng mảng lĩnh vực chuyên môn và hai (02) đơn vị trực thuộc gồm Xí nghiệp Khai thác – Xếp dỡ và Xí nghiệp Dịch vụ - Thương mại.

Các công ty con, công ty liên kết:

Stt	Tên công ty/Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ (Tr.đồng)	Vốn nắm giữ	
				Vốn góp (Tr.đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
I	Công ty con				
1	CTCP Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Dịch vụ hàng hải	6.000	3.060	51%
II	Công ty liên kết				
1	CTCP Dịch vụ vận tải ô tô Cam Ranh 02 ĐL Hùng Vương, tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Vận tải	16.500	500	3%
2	CTCP Đô thị Cam Ranh 70 Nguyễn Trọng Kỳ, tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	Cấp nước và dịch vụ đô thị	18.018	1.170	6,5%

4. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Là doanh nghiệp khai thác cảng trọng điểm của cả nước và trong khu vực, là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng logistics của Việt Nam và khu vực, tạo nguồn động lực để phát triển kinh tế - xã hội địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh Nam trung bộ - Tây Nguyên.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Cảng Cam Ranh được quy hoạch là một trong 17 cảng đầu mối loại 1 với khu bến chính cho tàu 3 –5 vạn DWT làm hàng tổng hợp và container đáp ứng được cho bến chuyên dùng. Cảng Cam Ranh hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các dịch vụ cảng:

Mực nước sâu và vùng biển luôn kín gió nên tàu neo đậu tại Cảng có thể làm hàng quanh năm; Gần tuyến hàng hải quốc tế, sân bay Cam Ranh, cách quốc lộ 1A chỉ 1,5km, và tuyến đường sắt Bắc – Nam 3km, có đường sắt kéo tới cảng, nên là một đầu mối lưu thông hàng hóa quan trọng của các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây nguyên;

Cảng nằm ở trung tâm của các tỉnh duyên hải Nam trung bộ và Tây nguyên. Đây là khu vực có trữ lượng các loại khoáng sản cát, đá, bauxit, nông sản cây công nghiệp...có nhiều tiềm năng tăng trưởng sản lượng hàng hóa xuất khẩu thông qua cảng;

Quy hoạch chi tiết sử dụng vùng đất, vùng nước được phê duyệt cho hoạt động kinh doanh khai thác cảng lên tới 80ha, trong khi hiện nay chỉ mới sử dụng hơn 30ha, nên Công ty luôn sẵn có không gian để xây dựng và phát triển kho bãi cùng các khu dịch vụ hậu cầu sau cảng.

Triển vọng phát triển của ngành

Về định hướng chính sách, ngày 24/06/2014 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1037/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Theo đó, Chính phủ đặt mục tiêu lượng hàng hóa thông qua toàn bộ hệ thống cảng biển năm 2015 là 400-410 triệu tấn và năm 2020 là 640- 680 triệu tấn, tương đương tăng trưởng 10,3%/năm giai đoạn 2015-2020. Riêng khu vực Nam Trung Bộ, Chính phủ dự kiến lượng hàng thông qua năm 2015 khoảng 24-25 triệu tấn và năm 2020 khoảng 61-62.5 triệu tấn, tương đương tăng trưởng 20,3%/năm giai đoạn 2015 - 2020.

Từ triển vọng nền kinh tế nói chung, ngành cảng biển nói riêng, và tiềm năng to lớn từ các Hiệp định thương mại TPP và FTA VN-EU trong tương lai, những mục tiêu điều chỉnh mà Chính phủ đặt ra mới đây là có tính khả thi cao. Định hướng của Chính phủ cũng cho thấy rằng hệ thống cảng biển khu vực Nam Trung Bộ sẽ ngày càng đóng vai trò lớn hơn trong hệ thống cảng biển Việt Nam, với tỷ trọng sản lượng hàng hóa qua các cảng biển Nam Trung Bộ so với toàn bộ hệ thống cảng biển Việt Nam sẽ tăng lên 6,0% năm 2015 và 9,4% năm 2020. Qua đó, đem lại cơ hội lớn hơn cho các doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng trong khu vực Nam Trung Bộ.

Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Tận dụng mọi nguồn lực, lợi thế địa lý để xây dựng phát triển Cảng Cam Ranh trở thành cảng tổng hợp và container, là cảng đầu mối khu vực (loại I) với năng lực xếp dỡ là 3 triệu tấn/năm vào năm 2017 và 5 triệu tấn/năm vào năm 2020.

Nâng cấp, phát triển có chiều sâu về trang thiết bị, dây chuyền công nghệ bốc xếp và quản lý để tăng năng lực cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế về cảng biển.

Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020:

Đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng cảng biển (Bến cảng, phương tiện xếp dỡ, kho bãi, hạ tầng kỹ thuật) để tăng sức mạnh cạnh tranh, năng lực xếp dỡ cả về chủng loại và sản lượng. Năng lực xếp dỡ là 3 triệu tấn/năm vào năm 2018 và 5 triệu tấn/năm vào năm 2020. Mở rộng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, xây dựng chuỗi cung ứng (logistics), xây dựng khu vực hậu cần sau cảng nằm trong diện tích được quy hoạch.

Tiêu chí thực hiện chiến lược giai đoạn này là: “Mở rộng thị trường mới trên cơ sở phát triển và khai thác hiệu quả thị trường hiện có”

Chiến lược định hướng đến năm 2030:

Tiếp tục phát triển sâu – rộng các lĩnh vực kinh doanh của công ty, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ cảng biển theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa với công suất khai thác đạt 10 triệu tấn/năm.

Kế hoạch đầu tư trong ngắn hạn:

T T	Dự án	Qui mô	Tổng đầu tư	Kế hoạch đầu tư (Triệu đồng)			
				2015	2016	2017	2018
1	Đầu tư san lấp tạo bãi	10 ha	27.000	6.000	7.000	7.000	7.000
2	Hạ tầng kiến trúc cầu bến	Mở rộng	37.000		5.000	22.000	10.000
5	Hạ tầng kỹ thuật cầu bến	Mở rộng	8.000	2.000	2.000	2.000	2.000
6	Thiết bị xếp dỡ	02 chiếc	28.000		8.000		20.000
8	Đầu tư công cụ đa năng	Mở rộng	4.000	1.000	1.000	1.000	1.000
	Tổng cộng		104.000	9.000	23.000	32.000	40.000

(Nguồn: Theo Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt tại DHDCĐ lần thứ nhất)

5. Các rủi ro:

Rủi ro về kinh tế:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác cảng và hoạt động này gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế cũng như sự phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu. Do đó, bất kỳ biến động nào của nền kinh tế và hoạt động thương mại của Việt Nam cũng sẽ tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần “Triển vọng phát triển ngành cảng biển Việt Nam”, rủi ro này trong thời gian tới sẽ ngày càng giảm đi trong bối cảnh nền kinh tế đang dần hồi phục và nhân tố tiềm ẩn TPP có thể sẽ là chất xúc tác để hoạt động thương mại của nước ta tiến lên một bước phát triển mới.

Rủi ro về môi trường:

Trong hoạt động khai thác, các cảng biển đều phải đối mặt với vấn đề môi trường nước do liên quan đến hoạt động của tàu thuyền ra vào cảng, nạo vét luồng lạch, đổ phế thải, dầu loang... Sự tăng trưởng của hoạt động khai thác cảng cũng đồng thời ẩn chứa nguy cơ tăng ô nhiễm môi trường từ các bến cảng.

Tuy nhiên xuất phát từ nhận thức: chính sự ô nhiễm môi trường sẽ tác động xấu cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và của doanh nghiệp nói riêng, Công ty luôn chú trọng thực hiện quyết sách bảo vệ môi trường bằng các giải pháp tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu đòi hỏi trong việc đầu tư xây dựng mở rộng hạ tầng cảng cũng như hoạt động khai thác cảng biển.

Rủi ro đặc thù khác:

Rủi ro bất khả kháng: Hoạt động cảng biển chịu sự tác động lớn từ thiên nhiên như thiên tai, khí hậu, thời tiết Tuy nhiên, Cảng Cam Ranh có một lợi thế về vị trí địa lý vùng vịnh kín gió ít bị ảnh hưởng của bão lụt, sóng to và có thể hoạt động khai thác quanh năm.

Rủi ro về chính sách, pháp luật: Hoạt động cảng biển chịu ảnh hưởng lớn từ Quy hoạch phát triển ngành cảng biển của Chính phủ với tư cách là một cảng biển nằm trong hệ thống cảng biển Việt Nam. Hạ tầng và các chính sách quản lý, quy hoạch, kiểm soát giao thông là một trong những nhân tố đáng kể tác động đến hoạt động cảng và sự thay đổi về mặt chính sách là không thể tránh khỏi trong từng thời điểm thích ứng với chính sách quản lý vĩ mô của nhà nước. Khi các yếu tố quản lý về mặt nhà nước này thay đổi, cũng sẽ tác động ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Cảng Cam Ranh.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Niên độ tài chính đầu tiên (kỳ hoạt động kể từ ngày thành lập 25/6/2015 đến 31/12/2015) 6 tháng hoạt động với mô hình Công ty cổ phần, Cảng Cam Ranh đã ngày càng lớn mạnh, phát triển và kết tinh những giá trị bền vững.

Kế thừa và phát huy kinh nghiệm, nguồn nhân lực cùng với những thay đổi phù hợp về mô hình tổ chức, quản lý và phương thức điều hành, cuối kỳ năm 2015 Cảng Cam Ranh tiếp tục đạt được kết quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành mục tiêu phát triển thương hiệu, từng bước nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường khai thác cảng biển; tạo được sự yên tâm và gắn bó lâu dài đối với người lao động trong Công ty; khẳng định tính đúng đắn, phù hợp trong chiến lược kinh doanh tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong giai đoạn tới.

Để đạt được bước tiến nêu trên Công ty đã tận dụng những thuận lợi chủ yếu như sau:

- Nguồn nhân lực và hệ thống quan hệ kinh doanh được triển khai bền vững.
- Chất lượng uy tín, vị thế thương hiệu và kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác cảng.

Kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	25/6/2014 đến 31/12/2014 (công ty TNHH)	25/6/2015 đến 31/12/2015 (công ty CP)	% tăng giảm
Tổng doanh thu và thu nhập khác (VNĐ)	57.794.533.165	59.409.554.520	+3,0%
Lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	(2.657.147.083)	7.221.607.144	-
Sản lượng hàng qua cảng (tấn)	827.205	856.918	+3,5%

2. Tổ chức và nhân sự:

Danh sách Ban điều hành:

✦ Tổng Giám đốc	: Phạm Hữu Tấn
- Số CMND	: 220891631, do công an Khánh Hòa cấp ngày 06/03/2013
- Giới tính	: Nam
- Ngày tháng năm sinh	: 01/01/1965
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Địa chỉ thường trú	: 123 Lê Hồng Phong - Tổ DP Lộc Thịnh - Phường Cam Lộc - Cam Ranh - Khánh Hòa
- Trình độ học vấn	: 12/12
- Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	: 52.600 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (Đại diện phần vốn Nhà nước – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam)	: 5.121.150 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
✦ Phó Tổng Giám đốc	: Dương Văn Thành
- Số CMND	: 220005811, do công an Khánh Hòa cấp ngày 22/03/2008
- Giới tính	: Nam
- Ngày tháng năm sinh	: 14/10/1958
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Địa chỉ thường trú	: Số 33 khu B- Tổ DP Lộc Thành - Phường Cam Lộc - Cam Ranh - Khánh Hòa
- Trình độ học vấn	: 10/10

- Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư khai thác hàng hải
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	:	21.300 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu (Đại diện phần vốn Nhà nước – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam)	:	2.450.311 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
➤ Phó Tổng Giám đốc	:	Nguyễn Viết Nhâm
- Số CMND	:	220905999, do công an Khánh Hòa cấp ngày 17/07/2007
- Giới tính	:	Nam
- Ngày tháng năm sinh	:	12/02/1962
- Quốc tịch	:	Việt Nam
- Dân tộc	:	Kinh
- Địa chỉ thường trú	:	2244 Hùng Vương - Tổ DP Ngô Mây - Phường Ba Ngòi - Cam Ranh - Khánh Hòa
- Trình độ học vấn	:	10/10
- Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư khai thác hàng hải
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	:	11.400 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu (Đại diện phần vốn Nhà nước – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam)	:	2.450.311 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không
➤ Kế toán trưởng	:	Nguyễn Huy Phương
- Số CMND	:	220797496, do công an Khánh Hòa cấp ngày 04/08/2009
- Giới tính	:	Nam
- Ngày tháng năm sinh	:	14/04/1963
- Quốc tịch	:	Việt Nam
- Dân tộc	:	Kinh
- Địa chỉ thường trú	:	141 Lê Hồng Phong- TDP Lộc Thịnh - Phường Cam Lộc - Cam Ranh - Khánh Hòa
- Trình độ học vấn	:	12/12

- Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Kế toán trưởng - Ủy viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không có
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	:	20.200 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu (Đại diện phần vốn Nhà nước – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam)	:	2.450.311 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không

Số lượng người lao động trong công ty

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty có tổng số 175 lao động, trong đó:

- Trình độ trên đại học	4
- Trình độ Đại học và cao đẳng	47
- Trình độ trung cấp	13
- Công nhân kỹ thuật, sơ cấp	84
- Lao động phổ thông	27

Chính sách liên quan đến người lao động:

Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc từ thứ Hai tới thứ Bảy, nghỉ ngày Chủ nhật. Do đặc điểm của hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển, người lao động làm việc tại bộ phận trực tiếp hiện trường và bộ phận kho hàng được chia làm 02 - 03 ca/ngày tùy theo khối lượng hàng qua cảng theo số lượng tàu cập cảng. Khối văn phòng và các bộ phận gián tiếp khác làm việc 08 tiếng/ngày. Tất cả người lao động đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn; Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc bảo đảm cho điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty và kể cả lao động thuê ngoài. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định hiện hành. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật: tất cả người lao động của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm tai nạn theo quy định. Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, công ty sẽ thưởng cho người lao động vào các dịp Lễ, Tết. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách phù hợp trong nội dung Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động của Công ty ban hành nhằm đảm bảo sự ổn định của lực lượng lao động như: thưởng năng suất, thưởng định mức, đảm bảo ổn định có việc làm 100% trong năm, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty có quy chế tuyển dụng, đào tạo chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên tùy theo yêu cầu công việc: Đối với công nhân trực tiếp, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đãi ngộ một phần hoặc toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên.

Cảng Cam Ranh có đội ngũ lãnh đạo và quản lý được đào tạo chính quy, cơ bản, nhiều kinh nghiệm chuyên môn về cảng biển, nhanh nhạy trong cơ chế thị trường; đội ngũ công nhân lao động lành nghề trong các thao tác nghiệp vụ, có tính kỷ luật, đảm nhận được các chức danh cụ thể trong dây chuyền sản xuất, tạo năng suất cao để đáp ứng được khối lượng khai thác.

Lao động của Cảng Cam Ranh đều thông qua đào tạo để đáp ứng công việc theo kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện. Công tác đào tạo và đào tạo lại hàng năm được thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp cho lực lượng lao động trực tiếp giản đơn. Riêng lao động cần nâng cao tay nghề khi phát sinh quy trình công nghệ mới đều được gửi đi đào tạo nâng cao tay nghề trực tiếp tại các Cảng bạn có trang thiết bị kỹ thuật phù hợp, đây là chính sách nổi bật của Cảng Cam Ranh trong chiến lược quản lý phát triển nguồn nhân lực của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Các khoản đầu tư lớn:

Trong kỳ hoạt động từ 25/6/2015 đến 31/12/2015, Công ty chỉ thực hiện một hạng mục đầu tư mới và một hạng mục nâng cấp cải tạo cơ sở hạ tầng sẵn có với tổng mức đầu tư 298 triệu đồng, phục vụ cho Dự án kinh doanh mới: Bến thùy nội địa. Dự án được đưa vào hoạt động trong tháng 11/2015 và đã có kết quả khai thác tốt.

Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty có một (01) công ty con và hai (02) công ty liên kết (đã được trình bày ở *Phần thông tin chung của doanh nghiệp*).

Đây là các doanh nghiệp có lĩnh vực hoạt động liên quan đến kinh doanh của Công ty; Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty này là khá tốt và mang tính ổn định, bền vững. Dự kiến mức cổ tức của các công ty này trong năm 2015 như sau:

Công ty con

+ CTCP Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh 30%

Công ty liên kết

+ CTCP Dịch vụ vận tải ô tô Cam Ranh 15%

+ CTCP Đô thị Cam Ranh 12%

4. Tình hình tài chính: (BCTC hợp nhất)

Khái quát chung về tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	25/6/2014 đến 31/12/2014 (công ty TNHH) VNĐ	25/6/2015 đến 31/12/2015 (công ty CP) VNĐ	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	406.024.753.155	391.816.885.994	-3,50%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.762.481.616	57.087.749.766	+0,60%
Doanh thu hoạt động tài chính	379.232.733	717.460.587	+89,00%
Thu nhập khác	652.818.816	1.604.344.167	+146,00%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.257.145.045)	5.618.975.426	-
Lợi nhuận khác	599.997.962	1.602.631.718	+167,00%
Lợi nhuận trước thuế	(2.657.147.083)	7.221.607.144	-
Lợi nhuận sau thuế	(2.756.227.494)	6.282.485.885	-

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	25/6/2014 đến 31/12/2014 (công ty TNHH)	25/6/2015 đến 31/12/2015 (công ty CP)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,48	2,06
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,46	2,04
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,39	0,35
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,63	0,54
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,14	0,15
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	0,110
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-	0,025
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-	0,016
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-	0,098

Ghi chú: số liệu so sánh lấy cùng kỳ năm trước của công ty TNHH một thành viên trước CPH

5. Cơ cấu cổ đông:

Cổ phần:

Tổng số cổ phần của Công ty: 24.501.817 cổ phần - Mệnh giá : 10.000 VNĐ/cổ phần

Tổng số cổ phiếu theo từng loại	Số lượng
1. Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	24.501.817
- Cổ phiếu phổ thông	24.501.817
- Cổ phiếu ưu đãi	0
2. Số lượng cổ phiếu quỹ	0
3. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.501.817
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	3.588.302
- Số cổ phiếu chuyển nhượng tự do	20.913.515

Cơ cấu cổ đông: (tại ngày 31/12/2015)

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1. Cổ đông trong nước	206	24.501.817	100%
Cổ đông tổ chức	02	23.320.117	95,17%
Cổ đông cá nhân	204	1.181.700	4,83%

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
2. Cổ đông nước ngoài	0	0	0
<i>Trong đó</i>			
a- Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu	206	24.501.817	100%
<i>Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết</i>	02	23.320.117	95,18%
<i>Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết</i>	0	0	-
<i>Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết</i>	204	1.181.700	4,82%
b- Cơ cấu cổ đông theo loại hình	206	24.501.817	100%
<i>Cổ đông nhà nước</i>	01	19.823.015	80,90%
<i>Cổ đông khác</i>	205	4.678.802	19,10%

Danh sách cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông	CMND/ĐK KD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	0100104595	Số 1 Đào Duy Anh, p.Phương Mai, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	19.823.015	80,90%
2	Công ty CP Tư vấn & Xây dựng Phú Xuân	0103015237	Đường Phạm Văn Đồng, Xã Cổ Nhuế, Huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội	3.497.102	14,27%

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Kể từ ngày bắt đầu hoạt động của công ty cổ phần: 25/6/2015 đến cuối năm 2015, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu, không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường biển được Công ty chú trọng trong quá trình vận hành, khai thác cảng biển. Đề án bảo vệ môi trường bao gồm kế hoạch quản lý và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; có chương trình giám sát và quản lý giai đoạn vận hành, phải thu gom và xử lý chất thải rắn, lỏng và chất thải công nghiệp từ tàu cập cảng; xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng chống sự cố (tràn dầu, tràn hóa chất, cháy nổ, an toàn lao động); sẵn sàng phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu; định kỳ lập báo cáo môi trường khu vực cảng.

Công ty có hệ thống tiếp nhận và xử lý các chất thải từ tàu, bên cạnh đó, còn quan tâm tới vấn đề phát triển đồng bộ giữa cảng biển với mạng cơ sở hạ tầng sau cảng, giữa kết cấu hạ tầng cảng biển với hạ tầng công cộng kết nối với cảng biển, kiểm soát được ô nhiễm môi trường.

Cuối năm công tác quản lý, bảo vệ môi trường tại Công ty đều được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường, đánh giá tác động môi trường.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Tinh thần trách nhiệm cộng đồng đã được tích hợp đầy đủ vào mô hình và chính sách kinh doanh, các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng của Công ty.

Các chính sách đối với cộng đồng của Công ty dựa vào các nền tảng nhằm xác định các cách thức phù hợp nhất trong các giao dịch kinh doanh với tất cả các bên liên quan bao gồm: khách hàng, nhà cung cấp, các nhân viên, và cộng đồng nói chung, nhằm mục tiêu cùng phát triển.

Đối với đội ngũ nhân viên

Công ty quan tâm đến mục tiêu cung cấp môi trường tốt để làm việc, cơ chế tuyển dụng đầy đủ trong nhiều lĩnh vực công việc khác nhau, khuyến khích sự đột phá của mỗi cá nhân và tạo cơ hội công bằng cho tất cả nhân viên, khuyến khích sự tham gia của nhân viên vào mọi hoạt động của công ty, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe tinh thần và vật chất của nhân viên, bảo vệ và duy trì quyền lao động tại nơi làm việc dựa trên các nguyên tắc cơ bản được thể hiện trong quy tắc ứng xử và chính sách nguồn nhân lực hiện đang được áp dụng.

Đối với khách hàng

Công ty chú trọng tới việc mang lại sự hài lòng cho mọi đối tượng khách hàng mỗi ngày. Công ty dự kiến phát triển thị trường, và liên tục thực hiện đổi mới để cung cấp các dịch vụ và cải tiến liên tục trong hoạt động và tìm kiếm các giải pháp để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Đối với nhà cung cấp

Để đảm bảo đầy đủ nguồn cung ứng chủ chốt về lực lượng nhân công cũng như phương tiện thiết bị khi cần thuê ngoài, Công ty hướng tới mục tiêu xây dựng quan hệ đối tác lâu dài với các nhà cung cấp tại địa phương bằng các hợp đồng nguyên tắc hợp tác bền vững.

Đối với cộng đồng

Với vị thế là một doanh nghiệp có sức hấp dẫn thu hút tại địa bàn, chính sách của Công ty là luôn tuyển dụng lao động tại địa phương, qua đó cung cấp cơ hội việc làm cho cộng đồng tại địa bàn Công ty đang hoạt động.

Công ty khuyến khích sử dụng các nhà cung cấp địa phương, đặc biệt là cung ứng các dịch vụ xếp dỡ bằng nhân công hoặc thiết bị máy móc, dịch vụ vận chuyển. Tổng chi phí dịch vụ thuê ngoài đang sử dụng của Công ty hầu hết từ nguồn cung cấp tại địa phương.

Công ty là một trong những doanh nghiệp có sự cam kết và liên tục thực hiện các hoạt động đóng góp cho chương trình nhân đạo, cứu trợ thiên tai, xóa đói giảm nghèo và các chính sách hỗ trợ y tế, giáo dục của địa phương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2015 đánh dấu chặng đường 21 năm xây dựng và phát triển của Cảng Cam Ranh và cũng là năm có thể được coi là kỳ khởi đầu cho một giai đoạn phát triển với việc tái cấu trúc doanh nghiệp theo cơ chế hoạt động công ty cổ phần. Đối với Cảng Cam Ranh, bên cạnh những tác động chung từ tình hình kinh tế vĩ mô, khó khăn của thị trường hàng hải, vận tải biển vẫn đang hiện hữu, Công ty còn phải đối mặt với những khó khăn về nợ vay và lãi suất ngân hàng từ khoản nợ vay đầu tư Bến số 2 từ trước khi cổ phần hóa, tình hình có chiều hướng sụt giảm của một số mặt hàng truyền thống khai thác qua cảng so với những năm trước... Tuy nhiên với những nỗ lực vượt bậc, Công ty đã đạt được các mục tiêu:

- Điều hành, tổ chức hoạt động khai thác an toàn, ổn định. Kinh doanh có lãi tại kỳ hoạt động đầu tiên của mô hình cơ chế hoạt động công ty cổ phần.
- Nỗ lực vượt bậc trong việc tiết giảm chi phí giá thành sản xuất, chi phí quản lý.
- Nỗ lực trong việc đa dạng dịch vụ cung ứng: trong tháng 11/2015 Công ty đã đưa vào vận hành khai thác Bến thủy nội địa, mở thêm một loại hình dịch vụ kinh doanh mới, có hiệu quả.
- Điều chỉnh chính sách kinh doanh, tổ chức khai thác có hiệu quả hệ thống khách hàng hiện hữu và tìm kiếm khách hàng tiềm năng nhằm lấy lại mức tăng trưởng hàng qua cảng.

Kết quả kinh doanh: tổng doanh thu và thu nhập khác 59.409.554.520 đồng, lợi nhuận trước thuế 7.221.607.144 đồng, Sản lượng hàng qua cảng 856.918 tấn cho kỳ hoạt động từ 25/6/2015 đến 31/12/2015 của công ty cổ phần (Báo cáo tài chính hợp nhất), Công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được thông qua ĐHDCĐ thành lập.

Với cam kết, quyết tâm và nỗ lực của tập thể người lao động Công ty cùng sự đồng hành và ủng hộ của các Quý cổ đông, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ vững vàng vượt qua các khó khăn, thách thức phía trước để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch 2016, thực hiện đúng tiến độ các dự án để tạo đà tăng trưởng mạnh cho các năm sau.

2. Tình hình tài chính (số liệu BCTC hợp nhất):

Tình hình tài sản

Tổng tài sản vào cuối năm 2015 là 391,8 tỷ đồng, giảm 14,2 tỷ đồng so với đầu kỳ ngày 25/6/2015 (giảm chủ yếu tại khoản phải thu ngắn hạn khách hàng).

Các tài sản cố định tăng thêm trong năm chủ yếu bao gồm những khoản đầu tư vào tài sản có giá trị và có tiềm năng tạo ra lợi nhuận tốt như kho bãi, hạ tầng của Bến thủy nội địa... đều đã đi vào hoạt động kinh doanh trong năm 2015 và có hiệu quả khai thác tốt.

Tình hình vốn và nợ phải trả

Vốn chủ sở hữu vào cuối năm 2015 là 254,4 tỷ đồng, tăng 6,1 tỷ đồng so với đầu kỳ 25/6/2015, chủ yếu do nguồn lợi nhuận của kỳ hoạt động tạo nên.

Nợ phải trả vào cuối năm 2015 là 137,3 tỷ đồng, giảm 20,3 tỷ đồng so với đầu kỳ 25/6/2015. Trong đó nợ vay ngân hàng giảm từ mức 107,3 tỷ đồng đầu kỳ 25/6/2015 xuống mức 104,7 tỷ đồng vào cuối năm 2015.

Đến cuối kỳ 2015, Công ty đã trích lập dự phòng sáu (06) đối tượng nợ phải thu khó đòi 428,866,163 đồng. Đây là các khoản nợ đã quá hạn trên 3 năm, trong đó có hai (02) đối tượng đã nộp đơn xin phá sản và Công ty đã làm đủ các thủ tục gửi Tòa án theo quy định.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong hoạt động sản xuất: Tích lũy kinh nghiệm trong quá trình hoạt động khai thác cảng đã lâu năm, Công ty đã đạt nhiều tiến bộ trong việc chủ động và thực hiện áp dụng nhiều cải tiến trên nền tảng quy trình khai thác và máy móc thiết bị hiện có. Công tác rà soát, hiệu chỉnh và áp dụng các bộ định mức đã có hiệu quả, giúp giảm giá thành dịch vụ.

Trong hoạt động kinh doanh: giữ vững thương hiệu cung ứng dịch vụ cảng tiền, tiếp tục đầu tư chiều sâu qua việc đa dạng hóa dịch vụ cung ứng. Năng động trong việc tìm kiếm thị trường, mặt hàng bảo đảm thay thế cho các chủng loại hàng qua cảng.

Trong công tác tổ chức, nhân sự: Đã hoàn thành và sẽ đưa vào áp dụng trong năm 2016 quy chế và dự án cải tiến chính sách tiền lương. Xây dựng cập nhật, điều chỉnh hoàn thiện sơ đồ tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của các Phòng chuyên môn/xí nghiệp thuộc bộ máy điều hành của Công ty phù hợp với thực tế; sắp xếp lại bộ máy trên cơ sở tinh gọn theo năng lực, khung năng lực, giảm bớt cấp quản lý trung gian.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Về dịch vụ khai thác cảng biển:

Mở rộng thị trường, xây dựng chiến lược marketing; chiến lược giá linh động phù hợp với từng nhóm hàng và từng khu vực. Trên cơ sở nguồn vốn tự có, các nguồn vốn khác và nhu cầu thực tế sẽ thực hiện công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện trang thiết bị đảm bảo hiệu quả. Tiêu chí thực hiện chiến lược giai đoạn này là: “Mở rộng thị trường trên cơ sở phát triển và khai thác hiệu quả thị trường hiện có”;

Cơ cấu lại sản xuất kinh doanh: Tập trung rà soát, phân tích hiệu quả hoạt động của từng mảng dịch vụ qua kết quả kinh doanh các năm trước, dự báo thị trường, đánh giá tiềm năng phát triển của từng nhóm dịch vụ để cơ cấu lại theo hướng thu gọn những hoạt động không hiệu quả, cùng cố phát triển những dịch vụ có lợi trên cơ sở cân đối nguồn lực tài chính phù hợp trong đó có dịch vụ khai thác hàng container;

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng biển, lĩnh vực này đang có triển vọng lớn và tiềm năng mang lại từ các Hiệp định thương mại TPP và FTA VN-EU trong tương lai. Bên cạnh đó, khối lượng vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam bằng đường biển chiếm tới khoảng 80% tổng khối lượng hàng hóa, điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho sự gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty sẽ tập trung nguồn lực cho công tác dự báo, tìm kiếm và mở rộng thị trường làm cơ sở cho chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kinh doanh phù hợp, chủ động đưa ra các phương án ứng phó với diễn biến thực tế của thị trường.

Về dịch vụ hàng hải và dịch vụ hỗ trợ:

Tận dụng lợi thế về quỹ đất được cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch sử dụng, Công ty sẽ thực hiện ý tưởng phát triển khu dịch vụ hậu cần sau cảng gồm hệ thống kho bãi và trung tâm logistics để hình thành chuỗi cung ứng hoàn chỉnh, thu hút nguồn hàng hoá từ khu vực Nam Tây Nguyên, các tỉnh Nam Trung Bộ lân cận qua cảng biển của Công ty.

Về kế hoạch đầu tư:

Căn cứ vào thực tiễn hoạt động kinh doanh, nhu cầu và chủng loại hàng hóa xuất nhập qua cảng, Công ty sẽ từng bước đầu tư các phương tiện và công cụ xếp dỡ tại cầu cảng và kho bãi cho phù hợp. Giữ vững nguyên tắc: chỉ đầu tư máy móc thiết bị đối với các nguồn hàng dài hạn, quy mô đủ lớn, đem lại hiệu quả kinh tế tương xứng; đối với các nguồn hàng ngắn hạn và quy mô nhỏ, Công ty sẽ thuê ngoài máy móc thiết bị như cách làm hiện nay.

Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ hiện có, đồng thời có kế hoạch mở rộng phát triển các dịch vụ mới. Việc xây dựng các phương án được chuẩn bị kỹ lưỡng về cả mặt định tính và định lượng, điều đó góp phần giảm thiểu rủi ro khi triển khai dự án.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động bắt đầu ngày 25/6/2015 và kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng trong quá trình hoạt động và những kết quả kinh doanh đạt được của mình, Công ty đã thực hiện tốt các chính sách liên quan đến môi trường, tiêu thụ nước, năng lượng; thực hiện tốt các chế độ liên quan đến vấn đề người lao động và liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Căn cứ vào tình hình khách quan của nền kinh tế và diễn biến hoạt động của Công ty trong năm tài chính đầu tiên của công ty cổ phần (kỳ hoạt động từ 25/6/2015 đến 31/12/2015), Hội đồng Quản trị đưa ra các ý kiến đánh giá như sau:

Kết quả kinh doanh:

Mức lợi nhuận sau thuế 6,282 tỷ đồng, tăng nhiều lần so với kế hoạch 0,351 tỷ đồng đã thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thành lập. Kết quả này tuy chưa lớn so với quy mô tài sản và vốn của Công ty và chủ yếu là từ giảm lãi phải trả và xóa nợ vay của ngân hàng, nhưng có thể xem là một kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh nền kinh tế chung của cả nước còn nhiều khó khăn.

Tình hình tài chính:

Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý vốn và tài sản, bảo toàn vốn chủ sở hữu, làm tốt công tác đầu tư và triển khai dự án sử dụng bằng vốn tự có và huy động nguồn vốn từ đối tác để đầu tư, đồng thời Công ty cũng đã quản lý tốt thanh khoản, tất cả các khoản nợ gốc và lãi đều được thanh toán đúng hạn. Vì vậy, đã giảm được mức nợ vay vào cuối kỳ năm 2015. f f

Công tác nghiên cứu thị trường và xúc tiến kinh doanh:

Công ty đã tích cực tổ chức mạng lưới tiếp cận khách hàng, thiết lập mối quan hệ với các chủ hãng tàu, đại lý hàng hải, phối hợp tổ chức chiến dịch marketing, ký hợp đồng, luôn chủ động trong việc theo dõi biến động trên thị trường để có những đối sách phù hợp; tích cực phát triển quan hệ với các đối tác, khách hàng tiềm năng để chuẩn bị cho công tác kinh doanh ngày càng tăng lên của Công ty. f f

Công tác đầu tư:

Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác triển khai dự án đầu tư theo kế hoạch kinh doanh đã thông qua ĐHĐCĐ thành lập.

Công tác nhân sự:

Công ty đã làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo, chăm lo đời sống, điều kiện sinh hoạt và làm việc cho cán bộ công nhân viên, đặc biệt là các chế độ ưu đãi được áp dụng thích hợp đã kích thích và tạo động lực cho người lao động. Nguồn nhân lực đã đóng vai trò rất quan trọng đối với sự thành công của Công ty trong kỳ hoạt động.

Công tác ứng dụng công nghệ và cơ giới trong khai thác:

Công ty đã làm rất tốt công tác nghiên cứu, học hỏi và ứng dụng công nghệ trong các khâu quy trình xếp dỡ, đó là yếu tố cơ bản giúp tăng năng suất và hạ giá thành dịch vụ trong điều kiện máy móc thiết bị, dụng cụ khai thác chưa có khả năng đầu tư hiện đại đồng bộ.

Công tác quản lý rủi ro:

Công ty đã thực hiện tốt công tác đánh giá rủi ro đối với hoạt động khai thác cảng và có những giải pháp hạn chế rủi ro hoặc bảo hiểm rủi ro thích hợp. Trong năm không xảy ra sự kiện hoặc tai nạn nghiêm trọng nào có ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong tổ chức hoạt động SXKD:

Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và giao kế hoạch công việc kỳ tới.

Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

Đánh giá kết quả hoạt động và năng lực của ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị đánh giá rằng Ban Tổng Giám đốc đã có những nỗ lực vượt bậc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đều có đầy đủ kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề mà mình phụ trách, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác tốt. Các thành viên liên tục trao dồi kỹ năng chuyên môn, tích cực tham gia các khóa đào tạo, cập nhật kiến thức và kỹ năng quản lý. Hội đồng Quản trị nhận xét rằng các thành viên Ban Tổng Giám đốc đều có đủ các phẩm chất và kỹ năng cần thiết để tiếp tục gánh vác các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Năm 2016, HĐQT xác định nhiệm vụ trọng tâm là “Tập trung nguồn lực thực hiện đề án tái cấu trúc đổi mới công tác quản trị; hoàn thiện chiến lược phát triển; đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đầu tư phát triển, đa dạng hóa loại hình dịch vụ; nâng cao hiệu suất/năng suất khai thác; quản lý chi phí hiệu quả, tiết kiệm”.

Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể người lao động trong Công ty nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ với kế hoạch, định hướng sau:

- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành quy trình tổ chức khai thác cảng đảm bảo an toàn, đảm bảo ổn định chất lượng dịch vụ, hiệu quả và tiết kiệm. Hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Công tác tài chính: Tiếp tục chủ động trong công tác huy động vốn để thực hiện các kế hoạch đầu tư đã đề ra, tái cấu trúc kỳ hạn nợ bằng cách thay thế các khoản nợ có kỳ hạn ngắn bằng các khoản có kỳ hạn dài hơn, phù hợp với thời gian đầu tư và kế hoạch dòng tiền các dự án.
- Chỉ đạo công tác kinh doanh đảm bảo giữ vững thị phần và duy trì tối đa hiệu quả kinh doanh, nâng cao sản lượng hàng khai thác qua cảng.
- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: Công tác tổ chức sản xuất, quản lý điều hành, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, quản lý chi phí, tổ chức nhân sự và đào tạo, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.
- Hoàn thiện và áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến, quản trị rủi ro, quản lý sản xuất, ... nhằm giảm thiểu rủi ro, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực doanh nghiệp; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
- Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh
- Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế.
- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, trong đó tập trung vào các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực kho bãi để thực hiện chiến lược phát triển đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng chuỗi cung ứng (logistics), xây dựng khu vực hậu cần sau cảng, chuẩn bị bước đầu cho các dự án đầu tư chiến lược cho giai đoạn sau năm 2020.

Dựa trên định hướng chiến lược như trên, Hội đồng Quản trị đề ra kế hoạch hoạt động cho năm 2016 như sau:

• Sản lượng khai thác hàng qua cảng:	1.790.000 tấn
• Doanh thu:	124 tỷ đồng
• Lợi nhuận trước thuế:	8,5 tỷ đồng
• Tổng mức đầu tư:	48 tỷ đồng

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (tại ngày 31/12/2015)

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Sở hữu/đại diện sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết				Chức danh tại các công ty khác liên quan
			Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu	Tổng cộng	Tỷ lệ	
1	Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch <i>Thành viên HĐQT điều hành</i>	52.600	5.121.150	5.173.750	21,12%	Không
2	Lê Minh Khôi	Phó chủ tịch <i>Thành viên HĐQT không điều hành</i>	-	3.675.466	3.675.466	15,00%	Phó Trưởng Ban phụ trách Ban Quản lý Cảng biển và dịch vụ Hàng hải Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
3	Dương Văn Thành	Ủy viên <i>Thành viên HĐQT điều hành</i>	21.300	2.450.311	2.471.611	10,09%	Không
4	Nguyễn Viết Nhâm	Ủy viên <i>Thành viên HĐQT điều hành</i>	11.400	2.450.311	2.461.711	10,05%	Không
5	Nguyễn Huy Phương	Ủy viên <i>Thành viên HĐQT điều hành</i>	20.200	2.450.311	2.470.511	10,08%	Không
6	Hoàng Quốc Phương	Ủy viên <i>Thành viên HĐQT không điều hành</i>	-	3.675.466	3.675.466	15,00%	Chuyên viên Ban Quản lý Cảng biển và dịch vụ Hàng hải Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
7	Ông Nguyễn Văn Tài	Ủy viên <i>Thành viên HĐQT không điều hành</i>	-	3.497.102	3.497.102	14,27%	Giám đốc - Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong kỳ, HĐQT đã tổ chức ba (03) phiên họp trực tiếp và có bốn (04) kỳ lấy ý kiến bằng văn bản quyết định về các vấn đề quản lý công ty.

Tại phiên họp đầu tiên ngày 12/6/2015, HĐQT đã bầu chọn Chủ tịch, Phó Chủ tịch và bổ nhiệm Ban điều hành (Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng.

Tại các kỳ họp tiếp theo HĐQT đã có các Nghị quyết triển khai thực hiện công tác quản lý tổ chức điều hành của Công ty:

- Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT.
- Ban hành các Quy chế quản lý: Quy chế quản lý cổ đông; Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế công bố thông tin.
- Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành Công ty và nhân sự các chức danh cán bộ quản lý.
- Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh cho niên độ đầu tiên của Công ty.
- Tổ chức triển khai thực hiện đăng ký lưu ký tập trung, đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu Công ty; Đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD); Đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên thị trường UPCOM tại UBCKNN.
- Bổ sung, thay thế thành viên HĐQT: Ông Hoàng Quốc Phương được bổ nhiệm thay thế cho ông Phạm Anh Tuấn từ ngày 20/10/2015 do thay đổi Người đại diện phần vốn của cổ đông tổ chức Tổng Công ty hàng hải Việt Nam.
- Phê chuẩn phương án vay tài trợ nợ để cơ cấu nợ, tái cấu trúc kỳ hạn nợ bằng cách thay thế các khoản nợ có kỳ hạn ngắn bằng các khoản có kỳ hạn dài hơn.
- Triển khai công tác dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh theo Luật Doanh nghiệp 2014 sẽ trình thông qua ĐHĐCĐ thường niên 2016.

Kể từ ngày bắt đầu hoạt động của Công ty 25/6/2015 đến cuối năm 2015, HĐQT đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc:

Giám sát và có những chỉ đạo định hướng hỗ trợ kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với các Quy chế, quy định hiện hành của Công ty và Pháp luật.

Giám sát việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra, các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các Quyết định HĐQT đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện. HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.

Theo dõi việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước trong các mặt hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Việc cung cấp thông tin và báo cáo cho các thành viên không tham gia quản lý điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ bằng văn bản, điện thoại, email về tình hình hoạt động của Công ty để thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các Quyết định phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty có Thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc đôn đốc các đơn vị lập báo cáo, lập kế hoạch, thông báo lịch làm việc của Hội đồng quản trị, thông báo kết luận các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Trong kỳ hoạt động, Thư ký đã thực hiện tốt vai trò và chức năng nhiệm vụ của mình.

2. Ban Kiểm soát:

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	
			Số lượng	Tỷ lệ
1	Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Kiểm soát viên trưởng <i>Thành viên BKS không điều hành</i>	0	0
2	Bà Trịnh Thị Phúc Hạnh	Ủy viên <i>Thành viên BKS điều hành</i>	17.400	0,07%
3	Ông Nguyễn Trọng Thành	Ủy viên <i>Thành viên BKS điều hành</i>	20.000	0,08%

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

Trong kỳ hoạt động, Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết để góp phần tăng hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý doanh nghiệp để hoạt động luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ và đạt hiệu quả cao nhất.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh so với kế hoạch được giao.

Giám sát tình hình tài chính năm 2015

Ban kiểm soát hợp và trao đổi định kỳ với Kiểm toán viên độc lập của Công ty là CPA VIETNAM về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác.

Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát thực hiện rà soát phân tích thông tin, số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Căn cứ các báo cáo và số liệu do Ban Tổng Giám đốc trình bày tại các cuộc họp HĐQT, báo cáo soát xét bán niên và báo cáo kiểm toán năm 2015, Ban kiểm soát đánh giá Báo cáo tài chính năm 2015 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các hoạt động khác của Ban kiểm soát:

Tại kỳ họp đầu tiên ngày 12/6/2015, Ban kiểm soát đã thống nhất việc phân công giữa các thành viên Ban Kiểm soát để làm cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Ban Kiểm soát đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS:

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao các thành viên tham gia điều hành (VNĐ)	Thù lao các thành viên không tham gia điều hành (VNĐ)
I	HDQT và Ban điều hành			
1	Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch <i>Kiểm Tổng Giám đốc</i>	176.174.000	-
2	Ông Lê Minh Khôi	Phó chủ tịch	-	15.000.000
3	Ông Dương Văn Thành	Ủy viên <i>Kiểm Phó Tổng GD</i>	152.150.000	-
4	Ông Nguyễn Việt Nhâm	Ủy viên <i>Kiểm Phó Tổng GD</i>	149.210.000	-
5	Ông Nguyễn Huy Phương	Ủy viên <i>Kiểm Kế toán trưởng</i>	140.167.000	-
6	Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên		10.000.000
7	Ông Hoàng Quốc Phương	Ủy viên	-	5.000.000
8	Ông Nguyễn Văn Tài	Ủy viên	-	15.000.000
II	Ban kiểm soát			
1	Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng BKS	-	15.000.000
2	Bà Trịnh Thị Phúc Hạnh	Ủy viên <i>Trưởng phòng HCTH</i>	96.369.000	-
3	Ông Nguyễn Trọng Thành	Ủy viên <i>Phó phòng HCTH</i>	78.176.000	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Kể từ ngày được chấp thuận giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Ngày 10/9/2015) đến 31/12/2015, cổ đông nội bộ, người có liên quan của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty không có giao dịch cổ phiếu.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Kể từ ngày bắt đầu hoạt động của công ty cổ phần 25/6/2015 đến cuối năm 2015, Công ty không có các hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng này.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Đánh giá chung: Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT Công ty đã hoàn thành khá tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty trong việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán:

(Phụ lục kèm theo)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Phạm Hữu Tấn





CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

Cam Ranh - Tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất	9 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Tiền thân của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (gọi tắt là “Công ty”) là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước là Cảng Ba Ngòi - Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH MTV theo quyết định số 168/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 1 năm 2009 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350 ngày 01 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4200272350. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Vốn điều lệ là 245.018.170.000 VND (Hai trăm bốn mươi lăm tỷ, không trăm mười tám triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CAM RANH PORT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: CAM RANH PORT

Trụ sở chính tại: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị	Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Lê Minh Khôi	Phó Chủ tịch, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Dương Văn Thành	Thành viên, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Nguyễn Việt Nhâm	Thành viên, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Nguyễn Huy Phương	Thành viên, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Hoàng Quốc Phương	Thành viên, bổ nhiệm ngày 27/10/2015

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Phạm Hữu Tấn	Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Dương Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 25/6/2015
	Ông Nguyễn Việt Nhâm	Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 25/6/2015

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Hữu Tấn

Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Số: 90/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016, từ trang 5 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi


thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.




Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2015-137-1
Thay mặt và đại diện



Nguyễn Tiến Trinh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2015-137-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	25/06/2015
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		63.865.448.378	71.266.224.956
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	34.175.145.071	34.766.448.681
1. Tiền	111		32.675.145.071	34.766.448.681
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	-
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.813.185.113	13.322.056.589
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.434.784.395	9.714.889.029
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		488.316.000	10.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	3.318.950.881	3.597.167.560
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(428.866.163)	-
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	682.273.241	1.113.466.352
1. Hàng tồn kho	141		682.273.241	1.113.466.352
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		19.194.844.953	22.064.253.334
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	98.341.129	179.054.068
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.096.503.824	21.240.904.727
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.7	-	644.294.539
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		327.951.437.616	334.758.528.199
I Các khoản phải thu dài hạn	210		984.876.000	984.876.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	984.876.000	984.876.000
II Tài sản cố định	220		322.025.233.317	328.455.285.164
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	322.025.233.317	328.455.285.164
- Nguyên giá	222		469.584.250.093	468.730.837.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(147.559.016.776)	(140.275.552.201)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	18.548.000	69.427.933
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18.548.000	69.427.933
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	1.670.000.000	1.670.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.670.000.000	1.670.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		3.252.780.299	3.578.939.102
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.3	3.252.780.299	3.578.939.102
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		391.816.885.994	406.024.753.155

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	25/06/2015
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		137.340.907.444	157.680.421.993
I- Nợ ngắn hạn	310		30.973.933.444	49.471.223.900
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	719.256.610	1.623.340.835
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		103.066.936	284.887.775
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	404.331.558	54.816.302
4. Phải trả người lao động	314		4.960.257.244	620.802.054
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	136.683.658	164.114.064
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	24.269.029.819	45.072.777.704
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	-	1.286.700.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		381.307.619	363.785.166
II- Nợ dài hạn	330		106.366.974.000	108.209.198.093
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	1.607.774.000	2.131.712.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	54.000.000	54.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	104.705.200.000	106.023.486.093
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		254.475.978.550	248.344.331.162
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	254.475.978.550	248.344.331.162
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.018.170.000	245.018.170.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		272.570.132	118.714.865
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.451.897.833	(139.509.978)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		5.451.897.833	(139.509.978)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423	5.17	3.733.340.585	3.346.956.275
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		391.816.885.994	406.024.753.155

Cam Ranh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập

Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc

Phạm Hữu Tấn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ ngày 25/6/2015	Từ ngày 25/6/2014
			đến 31/12/2015	đến 31/12/2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	57.087.749.766	56.762.481.616
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 2)	10	5.18	57.087.749.766	56.762.481.616
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	42.165.355.766	46.626.125.796
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		14.922.394.000	10.136.355.820
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	717.460.587	379.232.733
7. Chi phí tài chính	22	5.21	793.321.581	5.131.700.299
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		793.321.581	5.130.254.669
8. Chi phí bán hàng	24	5.22	164.043.586	155.798.282
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	9.063.513.994	8.485.235.017
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		5.618.975.426	(3.257.145.045)
11. Thu nhập khác	31	5.24	1.604.344.167	652.818.816
12. Chi phí khác	32	5.24	1.712.449	52.820.854
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.602.631.718	599.997.962
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.221.607.144	(2.657.147.083)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	939.121.259	99.080.411
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.282.485.885	(2.756.227.494)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</i>			5.822.190.712	(3.045.807.841)
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>			460.295.173	289.580.347
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	238	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.26	-	(124)

Cam Ranh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập


Hồ Nguyễn Tú Anh

Kế toán trưởng


Nguyễn Huy Phương

Tổng Giám đốc


Phạm Hữu Tấn



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.221.607.144
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	7.283.464.575
- Các khoản dự phòng	03	428.866.163
- Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(687.087.987)
- Chi phí lãi vay	06	793.321.581
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	15.040.171.476
- Biến động các khoản phải thu	09	5.868.700.755
- Biến động hàng tồn kho	10	431.193.111
- Biến động các khoản phải trả	11	(17.759.378.328)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	406.871.742
- Tiền lãi vay đã trả	14	(793.321.581)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(151.793.840)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	62.287.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(195.603.044)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.909.127.291
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(802.532.795)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	41.818.182
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	645.269.805
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(115.444.808)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
3. Tiền thu từ đi vay	33	100.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(102.604.986.093)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(780.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.384.986.093)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(591.303.610)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	34.766.448.681
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương đương tiền cuối kỳ	62	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	34.175.145.071

Cam Ranh, ngày 25 tháng 03 năm 2016



Hồ Nguyễn Tú Anh



Nguyễn Huy Phương



Tổng Giám đốc

Phạm Hữu Tấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (gọi tắt là “Công ty”) là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước là Cảng Ba Ngòi - Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH MTV theo quyết định số 168/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 1 năm 2009 của Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350 ngày 01 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2012 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4200272350. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CAM RANH PORT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: CAM RANH PORT.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 là 245.018.170.000 VND (Hai trăm bốn mươi lăm tỷ, không trăm mười tám triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	19.823.015	198.230.150.000	80,90%
Các cổ đông khác	4.678.802	46.788.020.000	19,10%
Cộng	24.501.817	245.018.170.000	100%

Trụ sở chính tại: Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 175 người.

Cơ cấu tổ chức

Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh
Địa chỉ	: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Quản lý khai thác cảng biển, bốc xếp, kiểm đếm hàng hóa. Sửa chữa tàu biển. Đại lý, môi giới, cung ứng dịch vụ hàng hải. Dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển. Vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải.
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa ven biển;
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa nhiên liệu, chất đốt;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Chế biến dăm gỗ, mua bán nguyên liệu chế biến dăm gỗ;
- Dịch vụ khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ vui chơi giải trí.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Hoạt động quản lý khai thác biển, bốc xếp, kiểm đếm hàng hóa; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa; Bán lẻ hàng hóa nhiên liệu, chất đốt.

1.3 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ hoạt động Công ty cổ phần đầu tiên của Công ty từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015, theo đó các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con chỉ mang tính phục vụ cho quản trị nội bộ nên số liệu đầu kỳ chỉ mang tính tương đối và có thể so sánh được.

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các công ty con, công ty đầu tư dài hạn khác như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	Kinh doanh dịch vụ	51%	51%
Công ty đầu tư dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh	Kinh doanh dịch vụ Vận tải	7,83%	7,83%
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	Xây dựng, cấp thoát nước dịch vụ đô thị	2,13%	2,13%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 25/06/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.3), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

Từ các năm sau

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2015 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Nha Trang tại ngày 31/12/2015.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Nha Trang tại ngày 31/12/2015.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
24/06/2015	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	21.785 VND/USD	21.835 VND/USD
31/12/2015	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Nha Trang	22.450 VND/USD	22.540 VND/USD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2014/TT-BTC ngày 28/6/2014.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm. Riêng lợi thế kinh doanh thương mại phát sinh trong quá trình cổ phần hóa được phân bổ không quá 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển trích 15% lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 15% lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - **Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài:** Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - **Lỗ đầu tư chứng khoán:** Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- **Chi phí đi vay:** Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- **Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán:** theo thực tế phát sinh.
- **Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái:** Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi sau đó chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
Tiền mặt	425.035.738	31.811.137
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.250.109.333	13.934.637.544
Tương đương tiền (*)	1.500.000.000	-
Cộng	34.175.145.071	34.766.448.681

(*) Các khoản tương đương tiền trình bày các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại với thời gian đáo hạn dưới 3 tháng.

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	6.434.784.395	9.714.889.029
Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1-Trạm nghiền Cam Ranh	1.266.700.800	316.881.000
Các đối tượng còn lại	5.168.083.595	9.398.008.029
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	6.434.784.395	9.714.889.029

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2015		25/6/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	3.318.950.881	-	3.597.167.560	-
- Phải thu Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Tạm nộp lợi nhuận	3.022.033.540	-	3.022.033.540	-
- Phải thu người lao động	59.777.108	-	60.231.574	-
- Tạm ứng	233.400.000	-	423.700.000	-
- Phải thu khác - Thuế GTGT bến số 2	3.740.233	-	91.202.446	-
b) Dài hạn	984.876.000	-	984.876.000	-
Chi phí giải phóng mặt bằng hành chính Cảng chờ khấu trừ tiền thuê đất Ngân sách nhà nước	984.876.000	-	984.876.000	-
Cộng	4.303.826.881	-	4.582.043.560	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.4 Nợ xấu

	31/12/2015		25/6/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP xây dựng & Ứng dụng CNghệ Mới	113.319.150	-	113.319.150	113.319.150
Cty TNHH MTV Vtài tàu cao tốc Bắc Nam	84.292.500	-	84.292.500	84.292.500
Công ty TNHH Hưng Phát	83.070.900	-	83.070.900	83.070.900
Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ Hải Gia	99.453.843	-	99.453.843	99.453.843
CN Khánh Hòa-Cty CP vận tải dầu khí Việt Nam	42.395.293	-	42.395.293	42.395.293
Công ty TNHH An Trung	6.334.477	-	6.334.477	6.334.477
Cộng	428.866.163	-	428.866.163	428.866.163
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty CP xây dựng & Ứng dụng CNghệ Mới	-	-	-	113.319.150
Cty TNHH MTV Vtài tàu cao tốc Bắc Nam	-	-	-	84.292.500
Công ty TNHH Hưng Phát	-	-	-	83.070.900
Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ Hải Gia	-	-	-	99.453.843
CN Khánh Hòa-Cty CP vận tải dầu khí Việt Nam	-	-	-	42.395.293
Công ty TNHH An Trung	-	-	-	6.334.477

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2015		25/6/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	155.866.270	-	140.998.664	-
Công cụ, dụng cụ	297.293.246	-	411.403.845	-
Hàng hóa	229.113.725	-	561.063.843	-
Cộng	682.273.241	-	1.113.466.352	-

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	98.341.129	179.054.068
- Mua bảo hiểm các loại tài sản thời hạn 12 tháng	71.183.448	107.729.179
- Các khoản khác	27.157.681	71.324.889
b) Dài hạn	3.252.780.299	3.578.939.102
- Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	3.112.959.381	3.059.917.131
- Lợi thế kinh doanh thương mại	95.345.236	100.363.636
- Các khoản khác	44.475.682	418.658.335
Cộng	3.351.121.428	3.757.993.170

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.7 Thuế và các khoản phải thu và phải trả Nhà nước

	25/6/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
Phải nộp	54.816.302	1.221.614.226	872.098.970	404.331.558
Thuế GTGT	-	810.456.708	680.545.130	129.911.578
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.376.480	364.072.251	151.793.840	245.654.891
Thuế thu nhập cá nhân	21.439.822	47.085.267	39.760.000	28.765.089
Phải thu	644.294.539	-	644.294.539	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	644.294.539	-	644.294.539	-

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	25/06/2015 VND
a) Chi mua sắm	-	-
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	18.548.000	69.427.933
Dự án kho bãi phía tây	-	69.427.933
Chi phí quy hoạch phân khu Cảng	18.548.000	-
c) Chi sửa chữa	-	-
Cộng	18.548.000	69.427.933

5.9 Phải trả người bán

	31/12/2015		25/6/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	719.256.610	719.256.610	1.623.340.835	1.623.340.835
Công ty TNHH Khai thác TM Vận tải Khánh Lâm	-	-	769.499.500	769.499.500
Công ty TNHH Xây dựng Cam Ranh	101.294.160	101.294.160	186.860.520	186.860.520
Công ty TNHH An Khang	228.481.795	228.481.795	85.687.360	85.687.360
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Cam Ranh	34.977.800	34.977.800	-	-
Các đối tượng còn lại	354.502.855	354.502.855	581.293.455	581.293.455
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	719.256.610	719.256.610	1.623.340.835	1.623.340.835

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.10 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 25/06/2015	429.680.246.432	24.483.862.502	13.666.968.900	899.759.531	468.730.837.365
Tăng trong kỳ	298.294.546	-	555.118.182	-	853.412.728
Mua trong kỳ	-	-	555.118.182	-	555.118.182
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	298.294.546	-	-	-	298.294.546
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	429.978.540.978	24.483.862.502	14.222.087.082	899.759.531	469.584.250.093
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 25/06/2015	121.313.954.407	11.985.706.751	6.368.290.559	607.600.484	140.275.552.201
Tăng trong kỳ	6.002.832.744	668.550.628	577.608.744	34.472.459	7.283.464.575
Khấu hao trong kỳ	6.002.832.744	668.550.628	577.608.744	34.472.459	7.283.464.575
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	127.316.787.151	12.654.257.379	6.945.899.303	642.072.943	147.559.016.776
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 25/06/2015	308.366.292.025	12.498.155.751	7.298.678.341	292.159.047	328.455.285.164
Tại ngày 31/12/2015	302.661.753.827	11.829.605.123	7.276.187.779	257.686.588	322.025.233.317

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 282.363.131.754 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*Số dư cuối năm chi tiết theo từng công ty liên kết*

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2015				25/6/2015			
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				1.670.000.000	1.670.000.000	-		1.670.000.000	1.670.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải ô tô Cam Ranh	7,83%	7,83%	5.000	500.000.000	500.000.000	-	1.148.449	500.000.000	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	2,13%	2,13%	117.000	1.170.000.000	1.170.000.000	-	213.200	1.170.000.000	1.170.000.000	-
Cộng				<u>1.670.000.000</u>	<u>1.670.000.000</u>	-		<u>1.670.000.000</u>	<u>1.670.000.000</u>	-

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đối tượng đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Đầu tư vào đơn vị khác		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải ô tô Cam Ranh	02 ĐL Hùng Vương, Cam Ranh, Khánh Hòa Nơi thành lập: Sở KH-ĐT Khánh Hòa	Dịch vụ vận tải
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	70 Nguyễn Trọng Kỳ, Cam Ranh, Khánh Hòa Nơi thành lập: Sở KH-ĐT Khánh Hòa	Cấp nước và dịch vụ đô thị

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	136.683.658	164.114.064
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn	-	140.930.406
Các khoản phải trả khác	136.683.658	23.183.658
b) Dài hạn	-	-
Cộng	136.683.658	164.114.064

5.13 Phải trả khác

	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	24.269.029.819	45.072.777.704
Kinh phí công đoàn	6.264.060	-
Bảo hiểm xã hội	148.661	57.971.763
Bảo hiểm y tế	97.685.882	34.562.287
Bảo hiểm thất nghiệp	361.620	361.620
Phải trả về cổ phần hoá	-	98.080.743
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	50.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.164.569.596	44.831.801.291
b) Dài hạn	54.000.000	54.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	54.000.000	54.000.000
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	24.323.029.819	45.126.777.704

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
Quỹ giữ hộ bảo dưỡng bến cát	66.268.900	68.358.900
Lãi vay được hoãn còn phải trả Maritimebank	-	20.713.041.695
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (VAT&CP khởi công Bến số 2)	24.048.300.696	24.048.300.696
Phải trả khác	50.000.000	2.100.000
Cộng	24.164.569.596	44.831.801.291

5.14 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	1.607.774.000	2.131.712.000
Công ty TNHH Công Nghiệp	956.760.000	1.006.112.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sáng Tạo Á Châu	651.014.000	1.125.600.000
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng	-	-
Cộng	1.607.774.000	2.131.712.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015		Trong năm		25/06/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	104.705.200.000	104.705.200.000	100.000.000.000	102.604.986.093	107.310.186.093	107.310.186.093
- Từ 60 tháng trở lên	104.705.200.000	104.705.200.000	100.000.000.000	102.604.986.093	107.310.186.093	107.310.186.093
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	-	-	101.918.286.093	101.918.286.093	101.918.286.093
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Nha Trang	4.705.200.000	4.705.200.000	-	686.700.000	5.391.900.000	5.391.900.000
Ngân hàng Vietcombank_ Nha Trang	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
Cộng	104.705.200.000	104.705.200.000	100.000.000.000	102.604.986.093	107.310.186.093	107.310.186.093

(*) Vay ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Nha Trang

Số tiền được vay	Theo hợp đồng tín dụng số 0208/11/TD/11 ngày 06/12/2011: Vay thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền 9.414.000.000 đồng.
Mục đích vay	Tài trợ dự án lắp đặt trụ cầu cố định tại bến số 1 Cảng Cam Ranh
Thời hạn vay	96 tháng, theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
Lãi suất vay	19,8%/năm, thay đổi với chu kỳ 3 tháng 1 lần
Hình thức đảm bảo tiền vay	Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị của cầu tàu Liebhery trị giá 13.370.000.000 đồng
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2015	4.705.200.000 đồng

() Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang**

Số tiền được vay	Theo hợp đồng tín dụng số 5381/TDDA/TD ngày 25/12/2015: Vay thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền 100.000.000.000 đồng.
Mục đích vay	Tái cấu trúc dài hạn thanh toán các nghĩa vụ tài chính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để đầu tư xây dựng Bến số 2 (giai đoạn 1) Cảng Cam Ranh tại phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;
Thời hạn vay	144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
Lãi suất vay	Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7%/năm; từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 49 trở đi theo thông báo của Ngân hàng.
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp Công trình xây dựng trên đất và trên mặt nước (nếu có) bao gồm cầu cảng, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị đồng bộ, hệ thống kho, bãi, đường nội bộ tại Bến số 1 và Bến số 2 - Cảng Cam Ranh, phường Cam Kinh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2015	100.000.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng
Số dư tại 25/06/2014	158.407.466.403	42.165.690.920	118.714.865	-	(139.509.978)	-	200.552.362.210
Tăng trong kỳ	86.610.703.597	-	-	3.346.956.275	-	19.156.182.126	109.113.841.998
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	(2.756.227.494)	-	(2.756.227.494)
Chuyển nguồn theo TT 106/2007	86.610.703.597	-	-	-	-	19.156.182.126	105.766.885.723
Phân bổ cho lợi ích cổ đông không kiểm :	-	-	-	3.346.956.275	-	-	3.346.956.275
Điều chỉnh về phải trả khác	-	-	-	-	2.756.227.494	-	2.756.227.494
Giảm trong kỳ	-	42.165.690.920	-	-	-	19.156.182.126	61.321.873.046
Chuyển nguồn theo TT 106/2007	-	42.165.690.920	-	-	-	-	42.165.690.920
Điều chỉnh về phải trả khác	-	-	-	-	-	19.156.182.126	19.156.182.126
Số dư tại 31/12/2014	245.018.170.000	-	118.714.865	3.346.956.275	(139.509.978)	-	248.344.331.162
Số dư tại 25/6/2015	245.018.170.000	-	118.714.865	3.346.956.275	(139.509.978)	-	248.344.331.162
Tăng trong kỳ	-	-	153.855.267	386.384.310	5.822.190.712	-	6.362.430.289
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	5.822.190.712	-	5.822.190.712
Phân phối quỹ đầu tư phát triển	-	-	153.855.267	-	-	-	153.855.267
Phân bổ cho lợi ích cổ đông không kiểm :	-	-	-	386.384.310	-	-	386.384.310
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	230.782.901	-	230.782.901
Điều chỉnh giảm khác	-	-	-	-	230.782.901	-	230.782.901
Số dư tại 31/12/2015	245.018.170.000	-	272.570.132	3.733.340.585	5.451.897.833	-	254.475.978.550

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<u>31/12/2015</u>	<u>25/06/2015</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	198.230.150.000	198.230.150.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	46.788.020.000	46.788.020.000
Tổng	<u>245.018.170.000</u>	<u>245.018.170.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ ngày 25/6/2015</u>	<u>Từ ngày 25/6/2014</u>
	<u>đến 31/12/2015</u>	<u>đến 31/12/2014</u>
	VND	VND
Vốn góp tại đầu kỳ	245.018.170.000	158.407.466.403
Vốn góp tăng trong kỳ	-	86.610.703.597
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	245.018.170.000	245.018.170.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>31/12/2015</u>	<u>25/6/2015</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.501.817	24.501.817
Cổ phiếu phổ thông	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.501.817	24.501.817
Cổ phiếu phổ thông	24.501.817	24.501.817
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	<u>31/12/2015</u>	<u>25/06/2015</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	272.570.132	118.714.865
Tổng	<u>272.570.132</u>	<u>118.714.865</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.17 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	31/12/2015 VND	25/06/2015 VND
Tại ngày 25 tháng 06 năm 2016		
Vốn điều lệ của Công ty con	6.000.000.000	6.000.000.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	3.060.000.000	3.060.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	2.940.000.000	2.940.000.000
Tỷ lệ lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	49%	49%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
Chi tiết như sau:		
Vốn của cổ đông thiểu số	2.940.000.000	2.940.000.000
Lãi lũy kế	793.340.585	406.956.275
Lãi lũy kế từ những năm trước	531.459.476	292.896.894
Lãi năm hiện hành	460.295.173	289.580.346
Phân phối năm nay	(198.414.064)	(175.520.965)
Tăng giảm khác	-	-
Cộng	3.733.340.585	3.346.956.275

5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014 VND
Doanh thu bán hàng	12.871.916.110	16.150.201.661
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.215.833.656	40.612.279.955
Cộng	57.087.749.766	56.762.481.616

5.19 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	12.013.044.504	15.743.134.459
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.152.311.262	30.882.991.337
Cộng	42.165.355.766	46.626.125.796

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	645.269.805	363.940.795
Lãi chênh lệch tỷ giá	72.190.782	15.291.938
Cộng	717.460.587	379.232.733

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.21 Chi phí tài chính

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014 VND
Lãi tiền vay	793.321.581	5.130.254.669
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.445.630
Cộng	793.321.581	5.131.700.299

5.22 Chi phí bán hàng

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí nhân viên	110.400.000	110.400.000
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	19.144.415	19.144.415
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.749.171	16.749.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.750.000	9.504.696
Cộng	164.043.586	155.798.282

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.916.925.026	5.539.407.724
Chi phí vật liệu quản lý	95.497.419	89.404.401
Chi phí đồ dùng văn phòng	354.418.493	331.805.546
Chi phí khấu hao TSCĐ	420.461.113	393.634.451
Thuế phí và lệ phí	234.602.882	219.634.525
Chi phí dự phòng	428.866.163	401.503.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.235.827.672	1.156.978.214
Chi phí bằng tiền khác	376.915.226	352.866.921
Cộng	9.063.513.994	8.485.235.017

5.24 Thu nhập/Chi phí khác

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	41.818.182	-
Các khoản khác	1.562.525.985	652.818.816
Cộng	1.604.344.167	652.818.816
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản khác	1.712.449	52.820.854
Cộng	1.712.449	52.820.854
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	1.602.631.718	599.997.962

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.221.607.144	(2.657.147.083)
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>45.000.000</i>	<i>258.765.043</i>
<i>Các khoản tăng khác</i>	<i>45.000.000</i>	<i>258.765.043</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>10.724.073</i>	-
<i>Các khoản được giảm trừ</i>	<i>10.724.073</i>	-
Thu nhập chịu thuế	7.255.883.071	(2.398.382.040)
<i>Các khoản lỗ được kết chuyển (*)</i>	<i>2.424.329.571</i>	<i>3.342.543.530</i>
Thu nhập tính thuế	4.831.553.500	944.161.490
Thu nhập chịu thuế Công ty mẹ	3.799.715.910	-
Thu nhập được ưu đãi thuế công ty con	1.031.837.590	944.161.490
Thu nhập tính thuế	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	22%
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	4.664.262
Thuế TNDN được ưu đãi 50% trên thuế suất	103.183.759	94.416.149
Thuế TNDN hiện hành	939.121.259	99.080.411

(*) Quyết toán Thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần tại ngày 24/6/2015 Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh có số lỗ 2.424.329.571 đồng được chuyển lỗ cho các kỳ kê khai nghĩa vụ thuế TNDN tiếp theo. Khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Công ty đã quyết toán vốn chủ sở hữu để xác định giá trị vốn điều lệ cho công ty cổ phần tại thời điểm ngày 24/06/2015. Tại kỳ kê khai để xác định nghĩa vụ thuế TNDN cho năm tài chính đầu tiên này của công ty cổ phần, Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh chuyển lỗ 2.424.329.571 đồng từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh để quyết toán thuế TNDN. Tại khoản 3 Điều 9 Thông tư Số: 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN: “Doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản phải thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế đến thời điểm có quyết định chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản của cơ quan có thẩm quyền, số lỗ của doanh nghiệp phát sinh trước khi chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất phải được theo dõi chi tiết theo năm phát sinh và bù trừ vào thu nhập cùng năm của doanh nghiệp sau khi chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất hoặc được tiếp tục chuyển vào thu nhập của các năm tiếp theo của doanh nghiệp sau khi chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất để đảm bảo nguyên tắc chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ”).

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.822.190.712	(3.045.807.841)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.822.190.712	(3.045.807.841)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	24.501.817	24.501.817
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	238	(124)

5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 25/6/2015 đến 31/12/2015	Từ ngày 25/6/2014 đến 31/12/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	725.802.118	1.788.063.657
Chi phí nhân công	9.515.755.332	14.988.689.222
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.855.276.516	6.933.209.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.976.334.554	23.103.068.483
Chi phí khác bằng tiền	1.359.720.859	6.567.600.442
Cộng	52.432.889.378	53.380.631.277

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****A. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Từ ngày 25/6/2014 đến ngày 31/12/2014 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng, thù lao và các khoản khác	998.211.303	-

B. Số dư các bên liên quan**Số dư phải thu và phải thu khác các bên liên quan**

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	31/12/2015 VND	24/06/2015 VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Phải thu khác	Lợi nhuận nộp về chủ sở hữu và khác	3.022.033.540	3.103.495.753
Cộng			3.022.033.540	3.103.495.753

Số dư phải trả và phải trả khác các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	31/12/2015 VND	24/06/2015 VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Phải trả khác	Giá trị cầu cảng bến số 2	-	896.084.340
	Phải trả khác	Thuế GTGT	24.048.300.696	24.048.300.696
Cộng			24.048.300.696	24.944.385.036

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	25/06/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.175.145.071	34.766.448.681
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.309.745.113	13.873.232.589
Đầu tư tài chính dài hạn khác	1.670.000.000	1.670.000.000
Tổng	46.154.890.184	50.309.681.270
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	104.705.200.000	107.310.186.093
Phải trả người bán và phải trả khác	25.042.286.429	46.750.118.539
Chi phí phải trả	136.683.658	164.114.064
Tổng	129.884.170.087	154.224.418.696

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

Tại 31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	24.988.286.429	54.000.000	25.042.286.429
Chi phí phải trả	136.683.658	-	136.683.658
Các khoản vay	-	104.705.200.000	104.705.200.000
Tổng	25.124.970.087	104.759.200.000	129.884.170.087
Tại 25/06/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	46.696.118.539	54.000.000	46.750.118.539
Chi phí phải trả	164.114.064	-	164.114.064
Các khoản vay	1.286.700.000	106.023.486.093	107.310.186.093
Tổng	48.146.932.603	106.077.486.093	154.224.418.696

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.175.145.071	-	34.175.145.071
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.324.869.113	984.876.000	10.309.745.113
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	1.670.000.000	1.670.000.000
Cộng	43.500.014.184	2.654.876.000	46.154.890.184
Tại 25/06/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.766.448.681	-	34.766.448.681
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.888.356.589	984.876.000	13.873.232.589
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	1.670.000.000	1.670.000.000
Cộng	47.654.805.270	2.654.876.000	50.309.681.270

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 25/06/2015 đến ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.3 Số liệu so sánh

Đây là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty cổ phần nên số liệu so sánh đầu kỳ của Công ty chỉ mang tính đương đối và có thể so sánh được. Số liệu đầu kỳ này chưa được kiểm toán.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 25/06/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ năm 2015 như sau:

Chi tiêu	Tại ngày 01/01/2015	Tại ngày 01/01/2015	
	Theo Thông tư 200 VND	Theo Quyết Định 15 (VND)	Chênh lệch VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
A. Phần Tài sản	4.582.043.560	4.582.043.560	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.597.167.560	3.173.467.560	(423.700.000)
Tài sản ngắn hạn khác	-	423.700.000	423.700.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	984.876.000	984.876.000
Phải thu dài hạn khác	984.876.000	-	(984.876.000)
B. Phần Nguồn vốn	1.286.700.000	1.286.700.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.286.700.000	1.286.700.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.286.700.000	-	(1.286.700.000)

Cam Ranh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hồ Nguyễn Tú Anh



Nguyễn Huy Phương



Phạm Hữu Tấn